

Bản án số: 44/2021/DS-PT

Ngày: 07 - 4 - 2021

V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán:

Ông Cao Minh Lễ;

Ông Trương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Hồng Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2020/TLPT- DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 396/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 264/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2021/QĐPT ngày 29 tháng 01 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 105/TB-TA ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐ-TA ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1965; (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn N: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1954, nơi cư trú: khóm 7, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang – là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 01/4/2021 tại Văn phòng công chứng L). (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1977; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bà Trịnh Thị Q, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Lê Hùng T, luật sư Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K.

5. Người làm chứng: Bà Dương Thị Hồng H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện C, tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn N trình bày: Ngày 17/11/2019AL vợ chồng bà với bà H có thỏa thuận mua bán hai hầm cá: Hầm thứ nhất đã cân cá cho bà H nhưng bà H chưa trả tiền. Đến hầm thứ 2 (hầm ông 5 Tuôn) khi đang vận chuyển cá xuống ghe bà H thì ông T, vợ chồng ông L, bà Q đến ngăn cản không cho xuống cá, trong khi cá đang ở trong lưới, làm cá bị xây xát, ngộp, bà H thấy chuyện lu bu nên mới thả cá lại, không cân nữa dẫn đến cá bị chết, mất sức nên bán lỗ. Nay yêu cầu ông T, ông L, bà Q mỗi người phải bồi thường số tiền 110.855.000 đồng do hành vi cản trở việc bán cá làm cho cá chết và bị mất giá, hao tổn chi phí nhân công.

Bị đơn là bà Trịnh Thị Q trình bày tại phiên hòa giải ngày 10/3/2020: Qua sự giới thiệu của ông L, bà có mua bán thức ăn nuôi cá cho vợ chồng ông N. Vào ngày 25/3/2019DL ông N, bà K không đồng ý trả tiền mua thức ăn và còn nợ lại 155.548.000 đồng. Khi bán cá đợt hai (hầm thứ 2), ông L cho bà và ông T hay là ông N, bà K bán cá nữa, bà, ông T và ông L có đến hầm cá thì gặp ông N đứng ở chỗ bãi sông nhưng không thấy việc cân cá, bà có đòi tiền nhưng bà K, ông N không trả, hai bên có to tiếng sau đó bà đến trình báo Công an xã P chứ không có

cản trở việc mua bán cá như ông N, bà K khai. Nay không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía nguyên đơn.

Ông L, ông T thống nhất ý kiến của bà Q.

Tại phiên hòa giải ngày 10/3/2020, bà K, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, cung cấp chứng cứ là Vi bằng số 06/2020/VB-TPL nội dung ghi nhận lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị M, Phan Thị T và ông Nguyễn Văn R về sự việc khi ông N, bà K bán cá của cái hầm sau thì ông L, ông T, bà Q kéo đến gây gỗ vụ nợ tiền bạc trong một lúc lâu, do thấy cự cãi và cá bị kẹt trong lưới lâu, bị đổ lườn nên người mua cá kêu nhân công xả cá ra, sau đó không mua nữa mà bỏ về.

Ngày 10/7/2020, ông N và bà K giao nộp chứng cứ bổ sung là Vi bằng số 16/2020/VB-TPL nội dung ghi nhận lời khai của bà Dương Thị Hồng H xác nhận sự việc có mua cá ở 02 hầm của bà K, sau khi cân cá ở hầm thứ nhất xong thì vợ chồng ông L và 02 người nữa đến cãi cọ với bà K việc nợ tiền và nói nếu không trả tiền thì không cho xuống cá, do thấy lu bu và có vài con cá bị chết nên bà kêu người lui ghe về không mua cá nữa và có kêu bà K trả tiền ghe do vi phạm hợp đồng mua bán. Ngoài ra Vi bằng còn ghi nhận lời khai của các ông Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu T, Trần Văn H việc có mua lại số cá chết trong hầm bà K với giá từ 4.000đ/kg đến 17.000đ/kg.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 396/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, khoản 1 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K về việc buộc ông Lê Văn L, bà Trịnh Thị Q và ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại tài sản mỗi người 110.855.000 đồng, tổng cộng: 332.565.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 08/10/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, cụ thể: Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà, buộc bà Trịnh Thị Q, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn L có trách nhiệm bồi thường

thiệt hại cho ông bà mỗi người phải bồi thường số tiền 110.855.000 đồng (một trăm mười triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K có ý kiến: ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ông Phan Văn Đ đại diện ủy quyền của ông N có ý kiến: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ hồ sơ chứng cứ đã được phía nguyên đơn cung cấp chưa được cấp sơ thẩm xem xét như Vi bằng số 06 đã thể hiện rõ việc bị đơn ngăn cản không cho nguyên đơn bán cá, dẫn đến bà H – người mua cá bỏ về, không tiếp tục cân cá và sau đó nguyên đơn phải bán cá giá thấp hơn và cá chết gây thiệt hại cho ông N. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc 03 bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền thiệt hại 282.000.000 đồng.

Ông Lê Văn L có ý kiến: ông là em ruột của bà K. Ngày xảy ra sự việc mà nguyên đơn khởi kiện, ông chỉ đến gặp bà K, ông N nhắc việc trả tiền thức ăn cho ông T, bà Q như đã hứa trước đó (do ông là người giới thiệu để mua được thức ăn), nhưng ông N bà K không đồng ý trả. Ông có điện thoại cho ông T, bà Q báo sự việc và có cùng đến gặp ở bờ của bến tàu nói chuyện việc trả tiền, nhưng cũng không được và ra về, hoàn toàn không có việc gây gổ, cản trở nguyên đơn không cho bán cá như nguyên đơn trình bày. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T có ý kiến: Ông là người nuôi cá, không phải là người chuyên bán thức ăn nuôi cá, nhưng do chỗ bà con và ông L giới thiệu nên ông mới đồng ý chia lại thức ăn nuôi cá của ông cho nguyên đơn sử dụng, hứa khi bán cá sẽ thanh toán. Nguyên đơn trình bày về ngày xảy ra sự việc hoàn toàn không đúng, khi ông L điện thoại cho hay thì ông và bà Q có đến gặp ông N ở bờ sông, cũng chỉ hỏi yêu cầu trả tiền nợ thức ăn, nhưng ông N nói đợt bán cá này không trả được do tiền phải trả cho người khác. Sau đó ông, bà Q và ông L bỏ về, trên đường gặp bà K đã mời mọi người lên nhà uống trà, cũng chỉ nói chuyện yêu cầu trả tiền, nhưng bà K vẫn hẹn lại đợt sau, xong mọi người ra về ngay, hoàn toàn không có việc gây gổ, có hành vi cản trở như nguyên đơn khởi kiện. Do đó, ông yêu cầu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn luật sư Lê Hùng T có ý kiến: Những tài liệu chứng cứ nguyên đơn đưa ra để buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại hoàn toàn không có cơ sở. Cần xem xét tính pháp lý của Tờ tường trình và Vi bằng nguyên đơn nộp – nguyên đơn không đưa ra chứng cứ chứng minh bị đơn có hành vi không hợp pháp gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng

xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa trong lúc ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông N trình bày nội dung kháng cáo thì ông N, bà K tự ý rời phòng xét xử mà không xin ý kiến của Hội đồng xét xử và chưa được sự đồng ý của Chủ tọa phiên tòa là vi phạm nội quy phiên tòa được quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 396/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A; Buộc ông N, bà K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn N ủy quyền cho ông Phan Văn Đ theo Giấy ủy quyền ngày 01/4/2021 tại Văn phòng công chứng Long Xuyên là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Trịnh Thị Q; người làm chứng Dương Thị Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Q và bà H.

Về việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu hoãn phiên tòa để thu thập lời khai người làm chứng: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa ngày 29/01/2021 do tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu thu thập thêm chứng cứ thể hiện hành vi gây thiệt hại của bị đơn. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 24/2021/QĐ-CCTLCC ngày 04/02/2021 về việc liên quan đến người mua cá và 04 nhân công chứng kiến sự việc xảy ra. Ngày 05/02/2021, nguyên đơn đã nhận được Quyết định trên nhưng

đến ngày 17/02/2021 Tòa án nhận được đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của nguyên đơn, trong đó không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án, mà chỉ cung cấp tên họ ông Nguyễn Văn D, ông Trần Văn T, ông Nguyễn Văn R – là hàng xóm biết sự việc. Tòa án đã có giấy triệu tập mời các ông có tên nêu trên nhưng không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập. Do đó, hết thời gian tạm ngừng Tòa án ra Thông báo mở lại phiên tòa số 105/TB-TA ngày 26/3/2021 ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ ngày 25/3/2021. Đến ngày 24/3/2021, Tòa án nhận được đơn đề nghị của bà K hoãn phiên tòa để Tòa án tổ chức xác minh các nhân chứng là các ông Nguyễn Văn D, Trần Văn T và Nguyễn Văn R, đồng thời có kèm theo các Tờ tường trình ghi ngày 23/3/2021 thể hiện ý kiến của từng người. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hoãn phiên tòa để xác minh thu thập thêm lời khai của họ.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Về việc ông N, bà K tự ý rời khỏi phòng xử án: tại phiên tòa phúc thẩm, trong lúc ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông N trình bày nội dung kháng cáo thì ông N, bà K tự ý rời phòng xét xử mà không xin ý kiến của Hội đồng xét xử và chưa được sự đồng ý của Chủ tọa phiên tòa là vi phạm nội quy phiên tòa được quy định tại khoản 7 Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm nghị để liên hệ ông N, bà K và yêu cầu ông Đ liên hệ tìm hiểu lý do nhưng không được nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục phiên tòa. Sau đó, ông N quay trở lại phòng xử cung cấp Kết quả siêu âm của Bệnh viện Bình dân L chẩn đoán bà Nguyễn Thị K: D34 – U lành của tuyến giáp; Bướu tuyến giáp, có kèm tòa thuốc cùng ngày 07/4/2021, hẹn tái khám ngày 14/4/2021 và yêu cầu hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu chứng cứ ông N cung cấp để chứng minh cho sự tự ý rời khỏi phòng xử của bà K không thuộc trường hợp người kháng cáo vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận hoãn phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ông N và bà K khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn L, ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị Q mỗi người phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông bà với số tiền 110.855.000 đồng do đã có hành vi vi phạm pháp luật là cản trở ông bà trong việc bán cá cho bà Dương Thị Hồng H dẫn đến cá đã kéo lưới lên bị chết, phải bán với giá thấp.

Căn cứ chứng cứ do Tòa án thu thập được và đương sự giao nộp cũng như lời khai của nguyên đơn thể hiện: Khi vợ chồng ông N, bà K bán cá cho bà H đến hầm thứ hai thì vợ chồng ông L, bà Q và ông T có đến yêu cầu phía bà K trả nợ tiền mua thức ăn cá. Do không thống nhất với nhau việc trả tiền nên các bên xảy ra cự cãi trong một khoảng thời gian, tuy nhiên không có sự việc bị đơn thực hiện

hành vi trái pháp luật cụ thể (sử dụng vũ lực, đe dọa, sử dụng thủ đoạn khác không cho vận chuyển cá xuống ghe...) để ngăn cản phía bà K chuyển cá xuống ghe của người mua. Việc thả lại cá vào hầm, không tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán là do bà H tự quyết định với lý do thấy sự việc lu bu, có cá chết vài con trong lưới cá bị đổ mỏ do bị ngộp nên bà cho lui ghe không tiếp tục mua cá nữa. Điều này phù hợp với lời khai của các bị đơn ông L, ông T, bà Q không có thực hiện hành vi nào buộc bà H không tiếp tục mua cá của ông N, bà K và làm cho cá trong hầm bị chết. Đồng thời, phù hợp với lời khai của một số người làm chứng như ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị M: cũng chỉ thấy phía bị đơn có đến cự cãi đòi nguyên đơn trả số tiền nợ, không thấy có hành vi nào ngăn cản không cho vận chuyển cá xuống ghe bán cho bà H, việc bà H không tiếp tục mua cá là do thấy gây lộn, thấy cá đổ lườn. Như vậy, nguyên nhân dẫn đến việc cá bị chết là do người mua không tiếp tục thực hiện hợp đồng, ông N, bà K phải thả lại cá vào hầm nuôi chứ không phải xuất phát từ hành vi của các bị đơn vào ngày xảy ra sự việc. Hậu quả cá chết là có xảy ra, tuy nhiên không phải là lỗi của bị đơn bởi lẽ khi xảy ra sự việc thì việc vận chuyển cá, kéo cá lên khỏi hầm vẫn thực hiện bình thường. Ngoài ra, lời khai của những người làm chứng đều thể hiện không có việc các bị đơn cản trở không cho thực hiện việc kéo cá, cân cá mà chỉ cự cãi nhau việc ông N, bà K chưa trả tiền nợ thức ăn cho các bị đơn.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cho rằng ngày xảy ra sự việc có trình báo địa phương, cụ thể có Tờ tường trình ngày 21/10/2019, có xác nhận của trưởng ấp P, xã P, huyện A ngày 22/10/2019 với nội dung: qua ông Nguyễn Văn N có báo cá bị chết là đúng sự thật, nhưng căn cứ nội dung Tờ tường trình thể hiện: ngày 21/10/2019 có bán cá cho chị H, song vợ chồng ông L, bà Q, ông T ngăn cản không cho lái cân cá, buộc phải trả tiền thức ăn, không trả thì không cho cá xuống ghe, nên cá nằm trong lưới bị thời gian quá lâu cá quẫy lên sây sát, đổ mình nên chị H không chịu cân cá nữa, vậy tôi thả cá ra chị H buộc tôi phải trả tiền ghe là 9 triệu và tiền lưới 4 triệu rồi từ đó cá tôi chết kéo dài 30 ngày trên 12 tấn (bút lục 05).

Xét tờ tường trình trên, nguyên đơn cho rằng trình báo ngay trong ngày xảy ra sự việc, ghi ngày 21/10/2019, xác nhận của tổ trưởng ngày 22/10/2019 phù hợp với lời trình bày của người làm chứng do nguyên đơn cung cấp như ông Nguyễn Văn D cho rằng khoảng tháng 10 năm 2019; ông Trần Văn T cho rằng lúc khoảng 13 giờ ngày 21/10/2019. Căn cứ lời khai nguyên đơn trình bày tại Vi bằng số 06/2020/VB-TPL ngày 21/02/2020 thì cho rằng: ngày 21/10/2019 âm (tức ngày 17/11/2019) cho thấy mâu thuẫn thời gian, nhưng cũng có thể hiểu nguyên đơn ghi nhận trong tường trình là ngày 21/10/2019 âm. Tuy nhiên, việc nguyên đơn cho rằng đã viết tờ trình bày ngay trong ngày xảy ra sự việc với nội dung “cá chết kéo dài 30 ngày trên 12 tấn”, cũng như việc tổ trưởng xác nhận vào ngày hôm sau (ngày 22/10/2019) với nội dung “ông Nguyễn Văn N có báo cá bị chết là đúng sự thật” là hoàn toàn không hợp lý vì không thể xác định được tương lai. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận chứng cứ này.

Đồng thời, lời khai của người làm chứng cũng có sự mâu thuẫn và không chứng minh được bị đơn có hành vi rõ ràng trực tiếp ngăn cản việc không cho cân cá, vận chuyển cá bán cho bà H. Cụ thể như ông Nguyễn Văn R cung cấp tờ tường trình ngày 23/3/2021 cho rằng: năm 2019 tôi có chứng kiến vợ chồng chị K, anh N có bán cá cho chị H, khi cá chuẩn bị gạn vào lưới thì có các người gồm: hai vợ chồng ông L, ông T, bà Q kéo đến gây gỗ lâu, rồi kéo lên nhà cãi cọ với nhau thời gian hơi lâu, tôi thấy gây gỗ sôi nổi, tôi sợ đánh lộn nên có lại can...(bút lục số 172). Nhưng tại Vi bằng số 06/2020/VB-TPL ngày 21/02/2020 thì ông R lại cho rằng khi cất cái hầm sau, rồi hai vợ chồng ông L, ông T, bà Q kéo đến gây gỗ lâu, rồi kéo lên nhà cãi cọ với nhau thời gian hơi lâu, thành ra cá đã gạn lên rồi bị đổ mình, lái người ta ngưng cân, bỏ về ... (trang 3 bút lục số 22). Cho thấy, ông R cho rằng có chứng kiến sự việc xảy ra nhưng chính ông trình bày cũng không thống nhất: khi cho rằng cá chuẩn bị gạn vào lưới thì phía bị đơn kéo đến gây gỗ và khi cho rằng bị đơn kéo đến gây gỗ lâu làm cá đã gạn lên rồi bị đổ mình.

Ngoài ra, những người làm chứng mới cung cấp giai đoạn phúc thẩm cũng hoàn toàn trình bày giống những người làm chứng đã thể hiện trong Vi bằng trước đây: đều chỉ nghe gây gỗ, cửi cãi đòi tiền và cho rằng không trả tiền nợ không cho bán cá; hoàn toàn không có việc trực tiếp có hành vi ngăn cản không cho nhân công kéo cá, vận chuyển cá và cân cá để không thể tiếp tục việc bán cá như nguyên đơn trình bày cho rằng bà H không mua cá nữa bỏ về là do bị đơn không cho bán. Cũng như chính nguyên đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là không cần bị đơn có hành vi trực tiếp ngăn cản việc bán cá mà chỉ cần bị đơn có hành vi là lời nói đã đủ chứng minh cho hành vi cản trở mua cá và dẫn đến cá chết, bán giá thấp hơn. Điều đó cho thấy, ngày xảy ra sự việc bị đơn hoàn toàn không có hành vi nào trực tiếp gây cản trở ngăn cản việc nhân công kéo cá, vận chuyển cá và cân cá của nguyên đơn bán cho người mua bà H. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Như đã phân tích trên, nay nguyên đơn ông N, bà K kháng cáo yêu cầu xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà nhưng ông bà cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho việc ông bà bị thiệt hại về tài sản (việc không bán cá được cho bà H dẫn đến cá bị chết và phải bán giảm giá) là do lỗi của phía bị đơn ngăn cản. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông L, ông T đều không thừa nhận có hành vi ngăn cản không cho bán cá như nguyên đơn trình bày nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K và ông N do ông Đ đại diện ủy quyền.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K và ông N do ông Đ đại diện ủy quyền; giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N, bà K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 396/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, khoản 1 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K về việc buộc ông Lê Văn L, bà Trịnh Thị Q và ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại tài sản mỗi người 110.855.000 đồng (một trăm mười triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng: 332.565.000 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự.

2.1 Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K phải chịu 16.628.250 đồng (mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011806 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Ông bà còn phải nộp thêm 8.318.250 đồng (tám triệu, ba trăm mười tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

2.2 Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K phải chịu mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004844 và số 0004845 cùng ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THA-DS huyện A;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu